

# CHỨC NĂNG THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI TRONG CHẾ ĐỘ LÀM CHỦ TẬP THỂ

BÙI ĐĂNG HUY

Sức mạnh của khoa học xã hội thể hiện trước hết ở ý nghĩa *thực tiễn* của nó đối với sự phát triển xã hội đặc biệt đối với quản lý xã hội của một Nhà nước. Chức năng thực tiễn của khoa học xã hội được quyết định một mặt bởi sự phát triển của bản thân, mặt khác bởi trình độ phát triển của xã hội và của sự quan tâm của các giai cấp thống trị.

Cùng với sự phát triển của xã hội trong lịch sử từ thời phong kiến cho đến ngày nay, ý nghĩa thực tiễn của khoa học xã hội đã thay đổi và có tầm độ lịch sử khác nhau.

Trong thời kỳ phong kiến do sự thống trị của Nho giáo, mọi tri thức xã hội, mọi “văn” đều là để “tài đạo”, mà đạo, tức hệ tư tưởng phong kiến, bao giờ cũng coi hệ thống vua - tôi là rường cột. Nếu các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã cho rằng trong thời trung cổ ở Châu Âu, triết học đã trở thành “đầy tớ” của thần học, thì ta cũng có thể nói rằng tri thức xã hội trong thời kỳ phong kiến ở nước ta cũng chỉ là “nô tỳ” cho chính trị phong kiến.

Đến thời kỳ chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, hình thức sử dụng tri thức xã hội vào thực tiễn đã thay đổi một cách khá khác biệt. Theo khuynh hướng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước trong các lý thuyết về xã hội công nghiệp, xã hội hậu công nghiệp, v.v..., tri thức, trong đó có tri thức xã hội, được sử dụng với tính cách là cơ sở của quyền lực, được ứng dụng vào “công nghệ học xã hội” nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nâng cao năng suất lao động vì lợi ích của chủ nghĩa tư bản, đồng thời nhằm xóa nhà, đánh lạc hướng cuộc đấu tranh của quần chúng.

Để chống lại chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phong kiến, do tiếp thu được những tư tưởng của cá nhà Ánh sáng, trước hết là những quan điểm về giáo dục, các nhà yêu nước đầu thế kỷ đã vận dụng tri thức xã hội vào thực tiễn dưới hình thức kêu gọi mở mang dân trí. Muốn cho dân trí tăng tiến, dân khí khai thông, theo họ, người trí thức về đạo thánh hiền còn phải thâm thúy được học thuật của Thái Tây. Cái đạo mà họ nêu lên giờ đây không còn là đạo quân thần nữa, mà là nhân đạo (đạo người), là “ái quốc, ái quần, ái chủng...”.

Hình thức thể hiện sự vận dụng tri thức xã hội vào thực tiễn này của các sĩ phu yêu nước, mặc dù chưa vượt qua chủ nghĩa cải lương, nhưng đã là một quan điểm tiến bộ về vai trò của khoa học đối với sự phát triển của xã hội.

Chủ nghĩa Mác-lênin đặt vấn đề sử dụng khoa học xã hội trên cơ sở hoàn toàn mới về nguyên tắc, khắc phục những quan niệm phiến diện, gạt bỏ những hình thức và phương pháp phản động, phản nhân đạo và phản nhân dân đối với chức năng thực tiễn của khoa học xã hội.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, vị trí và vai trò của khoa học xã hội được xác định bởi *tính chất của những nhiệm vụ xã hội* mà nó phải giải quyết để đưa con người lên một trình độ mới của tiến bộ xã hội.

Vậy nhiệm vụ ở đây là gì?

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra rằng, sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là sự biến chuyển lịch sử từ vương quốc tất yếu sang vương quốc tự do. Ở nước ta, quá trình từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa chính là đã đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại đó.

Tự do luôn luôn gắn liền với sự nhận thức tính tất yếu nhận thức quy luật, bởi vì, để nắm được tính tất yếu của sự vật thì trước hết phải có nhận thức. Tri thức trước hết là tri thức khoa học, là điều kiện cần thiết, là phương tiện và nhân tố của sự vận động tiến đến tự do. Đó chính là địa vị của tri thức trong quá trình “nhảy vọt” từ tất yếu đến tự do mà khoa học xã hội là nguồn sản sinh ra tri thức đó. Chức năng thực tiễn quan trọng nhất của khoa học xã hội chính là việc phát hiện ra những quy luật xã hội và vận dụng tự giác những quy luật đó trong tổ chức và quản lý xã hội. Những quy luật xã hội phản ánh những quan hệ phổ biến, bản chất và tất yếu tồn tại giữa các sự kiện xã hội. Chính là sẽ sử dụng những quy luật phổ biến đó như điểm tựa, như then chốt để phân tích một cách khoa học hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước và, qua đó, quy luật phổ biến lại tiết tục được làm phong phú. Sự tổng hợp giữa lý luận phổ biến và chính trị luôn luôn được vật chất hoá trong sự phân tích hoàn cảnh cụ thể. Lý luận phổ biến, quy luật phổ biến chỉ có thể thành hình trong thực tế chính trị, được biểu hiện bằng ngôn ngữ của chính trị cụ thể, tóm lại trở thành cơ sở lý luận của chính trị. Xã hội học tư sản thường vu cáo khoa học xã hội mác xít chỉ là tên hề đồng ngoạn ngoạn vác traps theo sau chính trị. Điều gièm pha đó chỉ đúng với chủ nghĩa thực dụng chính trị mao-ít, đúng với cách minh họa một cách tầm thường đường lối, chính sách mà thôi.

Chức năng thực tiễn của khoa học xã hội không chỉ thể hiện ở chỗ con người làm chủ quy luật xã hội, mà còn làm chủ cả *quy luật tự nhiên*.

Sự thống trị của con người đối với tự nhiên chỉ có thể đạt được bằng sự phát triển của lực lượng sản xuất. Bởi vì bất kỳ sự tự do nào của con người cũng không thể có được nếu cơ sở của nó còn ở trình độ thấp của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Việc làm chủ tự nhiên của con người mới đương nhiên không chỉ giới hạn ở việc sử dụng những lực lượng của tự nhiên, mà còn ở sự kiểm soát của người đối với sự trao đổi chất giữa xã hội và tự nhiên tùy thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng về quan hệ sản xuất cho phép chúng ta biến mâu thuẫn tự nhiên - xã hội trong chủ nghĩa tư bản thành động lực để phát triển sự tác động giữa xã hội xã hội chủ nghĩa và tự nhiên dựa trên sự nhận thức khoa học các quy luật tự nhiên và các quy luật xã hội, trong đó các điều kiện tự nhiên và xã hội được chế ngự và được hoà vào nhau

thành một quá trình duy nhất. Cách mạng khoa học kỹ thuật trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội cho phép sử dụng một cách hợp lý những tài nguyên thiên nhiên, làm cho mối quan hệ giữa xã hội xã hội chủ nghĩa và tự nhiên thêm sâu rộng.

Ngoài tri thức khoa học, con người còn cần phải có những *khả năng vật chất* mới có thể đạt được tự do. Trong số những khả năng vật chất đó, người ta phải kể tới một khả năng vật chất quan trọng là *tổ chức xã hội* thích hợp để bảo đảm cho việc con người đạt tới tự do, có nghĩa là con người nhận thức được quy luật. Cho nên, có thể nói được rằng, con đường đạt tới tự do chính là cuộc đấu tranh để tạo lập tổ chức xã hội bảo đảm cho tự do. Đối với chúng ta, đó chính là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Nếu chế độ làm chủ tập thể bảo đảm cho sự phát triển mạnh mẽ của tri thức xã hội, thì đến lượt mình, khoa học xã hội sẽ thể hiện chức năng thực tiễn của mình ở chỗ tìm ra những quy luật của những quan hệ xã hội tạo thành hệ thống của chế độ làm chủ tập thể đó.

Khoa học xã hội chỉ có thể tham gia giải quyết các vấn đề xã hội trên, một khi trở thành bộ phận không thể thiếu trong *hệ thống quản lý xã hội* của chủ nghĩa xã hội, tức là việc quản lý một cách khoa học các quá trình hoạt động và phát triển của toàn bộ xã hội. Bởi vì quản lý xã hội một cách khoa học chính là sự tác động có ý thức của con người đến quá trình phát triển xã hội phức hợp với quy luật khách quan của nó.

Hệ thống quản lý xã hội trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ngoài cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, còn có hệ thống tư tưởng, tri thức khoa học xã hội, những quy tắc giá trị để điều chỉnh những mối quan hệ của con người. Bởi vậy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, việc sử dụng khoa học vào hệ thống quản lý xã hội là phương thức cơ bản để thúc đẩy sự phát triển thực tiễn của xã hội. Chỉ có trong hệ thống quản lý xã hội khoa học mới thực hiện được chức năng thực tiễn của mình. Và bản thân hệ thống quản lý xã hội cũng không thể thiếu khoa học, bởi vì chỉ có khoa học, con người mới có thể đề ra mục đích, xác định phương tiện cần thiết để đạt mục đích đó, tổ chức và quản lý có kế hoạch bộ máy xã hội to lớn và phức tạp.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, hạt nhân của khoa học xã hội, chính là cơ sở tư tưởng và phương pháp luận của quản lý xã hội.

Trước hết, khoa học xã hội trực tiếp phục vụ sự phát triển tinh thần của quần chúng lao động chủ thể của quản lý trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Khoa học xã hội là phương tiện quan trọng nhất để hình thành thế giới quan khoa học, xây dựng ý thức xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. Chỉ có những quan điểm khoa học, con người mới có khả năng phân tích đánh giá các sự kiện của hiện thực khách quan. Tron khi phân tích xã hội, nhờ sự hiểu biết các quy luật xã hội và nắm được phương pháp luận, con người mới có khả năng nhận thức được tình hình phức tạp của thế giới hiện đại, xem xét những sự kiện và hiện tượng của đời sống xã hội theo một quan điểm lịch sử đúng đắn.

Trong hoạt động xã hội phong phú của mình, chỉ có khoa học xã hội mới cung cấp cho con người tổng số tri thức cần thiết để củng cố và nâng cao thẩm quyền của chủ thể quản lý xã hội.

Một chức năng quan trọng của khoa học xã hội là chức năng *tiếp nhận những quyết định* cụ thể của hệ thống quản lý xã hội. Như ta đã biết, toàn bộ đường lối, chính sách của Đảng đều nằm trong toàn bộ hoạt động của quản lý xã hội. Nhưng để nghiên cứu những quyết định cụ thể của quản lý xã hội trong những điều kiện nhất định về thời gian, về địa điểm, trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và ở những trình độ quản lý khác nhau thì những nguyên tắc chung không đủ đáp ứng nhu cầu đó, mà còn cần phải có sự tổng hợp toàn diện những tài liệu bổ sung đa dạng. Phải có sự tham gia của nhiều ngành khoa học xã hội mới làm cho các quyết định cụ thể trở thành hữu hiệu.

Đương nhiên, để tiếp nhận các quyết định cụ thể có tính khoa học thì không thể chỉ bằng vào tri thức thuần túy, mà còn cần phải hiểu những mặt thuộc bản chất của hiện thực xã hội và khuynh hướng của nó. Chìa khóa đó tìm ra vấn đề ở đây cũng thuộc về khoa học xã hội.

Để tiếp thu và truyền các quyết định vào đời sống xã hội, còn cần phải thấy được tính chất tác động của các quy luật trong những điều kiện nhất định, có nghĩa là hiểu được cơ chế vận dụng của các quy luật xã hội. Chỉ có tìm được ẩn số đó thì tri thức về các quy luật phát triển xã hội mới có thể được sử dụng vào thực tiễn quản lý xã hội.

Tóm lại, mối liên hệ giữa khoa học và thực tiễn quản lý trong xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày một trở nên sâu sắc và có nội dung phong phú, đặc biệt khi nó trở thành một sức mạnh biến các quyết định của quản lý xã hội thành hành động thực tiễn của hàng triệu con người.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, một mặt khoa học phải coi trọng, sẵn sàng phục vụ thực tiễn, như tổ chức các nghiên cứu phù hợp với thực tiễn, thực hiện dự báo và nghiên cứu nhu cầu của thực tiễn; mặt khác, khoa học lại phải chuẩn bị cho thực tiễn sẵn sàng tiếp nhận sự định hướng của khoa học, khoa học chủ động tạo ra nhu cầu để hướng thực tiễn vào những mục tiêu đã định. Một việc hết sức quan trọng của việc hoàn thiện những hình thức liên hệ giữa khoa học và thực tiễn xã hội trong lúc chúng ta đang đẩy mạnh việc thực hiện chính sách khoa học - kỹ thuật là việc xác định, một phương pháp luận khoa học nhất cho khoa học xã hội.

Khoa học hiện đại đòi hỏi con người phải có một phương pháp tư duy, một phong cách tư duy hiện đại. Nhận thức khoa học hiện đại một mặt phát triển trên cơ sở của sự tổng hợp những kinh nghiệm, tức những yếu tố quyết định sự phát triển của tư duy khoa học, mặt khác nó cũng phát triển theo hướng nhận thức ngày càng sâu những quy luật của bản thân sự vận động bên trong của nó. Tư duy khoa học trong quá khứ phát triển nặng về hướng thứ nhất, cho nên ưu thế của nó là tính chất kinh nghiệm. Còn ưu thế của tư duy khoa học hiện đại là tính chất lý luận. Chính vì vậy, người ta cho rằng đó là phong cách tư duy thuật loại hình lý tính. Phương pháp tư duy duy vật biện chứng chính là loại hình lý tính hiện đại nhất của thế kỷ chúng ta.

Một phương pháp chỉ trở thành một phương pháp khoa học khi được xây dựng trên cơ sở của sự phù hợp giữa những tiên đề xuất phát của phương pháp với những luận đề cơ bản của lý thuyết khoa học. Cơ sở của lý thuyết khoa học do đó là nguyên tắc phương pháp luận của nghiên cứu khoa học. Vì vậy chức năng thế giới quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng có ý nghĩa phương pháp luận chung cho các khoa học.

Đương nhiên, khuynh hướng đơn giản hóa, muốn dùng triết học để giải quyết mọi vấn đề của khoa học cụ thể theo lối triết học tự nhiên là một sai lầm cần gạt bỏ. Triết học chỉ đóng vai trò định hướng phương pháp luận chung, chỉ xác lập những nguyên tắc phổ biến, còn việc cụ thể hoá những nguyên tắc đó là công việc của lý luận khoa học riêng biệt.

Ngoài phương pháp biện chứng duy vật với tư cách là phương pháp khoa học chung đóng vai trò chi phối đối với các phương pháp khoa học chuyên biệt, nhiều ngành khoa học xã hội hiện đại còn sử dụng nhiều phương pháp vốn là của khoa học tự nhiên. Ví như: kinh tế học, xã hội học, dân số học sử dụng các phương pháp toán học, kinh tế học, luật học sử dụng các phương pháp điều khiển học; ngôn ngữ học sử dụng phương pháp cấu trúc; khảo cổ học sử dụng các phương pháp vật lý học, hoá học, v.v..

Mối tương quan giữa triết học duy vật biện chứng và các phương pháp khoa học trên các phương pháp khác của các ngành khoa học xã hội là mối tương quan năng động, là sự tác động tương hỗ, là biểu hiện cụ thể phép biện chứng của cái chung, cái đặc thù và cái đơn nhất, phép biện chứng của sự chuyển từ trừu tượng đến cụ thể, từ hiện tượng đến bản chất.

Trước yêu cầu trên của “loại hình duy lý” của khoa học hiện đại chúng ta sẽ không quá khiêm tốn khi nói rằng chúng ta còn cách nó một khoảng lớn. Dấu vết nặng nề của chủ nghĩa kinh nghiệm trong khoa học xã hội của ta không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Nó nằm chung trong một xã hội từ nền sản xuất nhỏ để đi lên.

Nếu nguyên tắc phương pháp luận của nghiên cứu khoa học là sự vận dụng những cơ sở của lý luận khoa học, thì phương pháp luận kinh nghiệm mà chúng ta quan tâm ở đây đã tương ứng với một thể giới quan kinh nghiệm.

Trong lịch sử nước ta đã từng tồn tại những thể giới quan kinh nghiệm, ví như thể giới quan thần thoại, thể giới quan dân gian (qua văn học dân gian). Ở đây, tri thức của con người mới được tổ chức dưới hình thức kinh nghiệm trực tiếp. Hình thái thể giới quan đó mang nội dung và tính chất kinh nghiệm thô sơ bởi vì nó “bện chặt” một cách trực tiếp với hoạt động sống thực tiễn. Tính thực tiễn cụ thể của loại thể giới quan này mà có người quá đề cao dường như là một cái gì đặc hữu của tư tưởng Việt Nam, thực ra đó chỉ là đặc tính phổ biến và là một hạn chế của bất cứ thể giới quan kinh nghiệm ở bất cứ nước nào.

Trong thời kỳ phong kiến, một thể giới quan lý luận đã ra đời chủ yếu lấy Nho giáo làm hạt nhân. Nho giáo về căn bản là một học thuyết mang nặng tính chất kinh nghiệm, tin cậy ở nhận thức cảm tính, ở nhận thức kinh nghiệm trực tiếp, ưa thích cái cá biệt, cái cụ thể, thiếu hứng thú đối với cái phổ biến.

Điểm lại các loại hình thể giới quan đã có trong quá khứ cũng đã đủ để ta thấy rằng, trong một nước nông nghiệp lạc hậu, khoa học chưa phát triển, thì thể giới quan kinh nghiệm, tiền lý luận, tiền triết học không thể không là phổ biến.

Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, hơn nữa ý thức xã hội lại thường lạc hậu so với tồn tại xã hội tinh thần diễn tả thực trạng kinh tế thường muộn hơn. Nhưng nó lại đi trước thực trạng kinh tế khi nó biểu hiện tư tưởng và quyền lợi của giai cấp cách mạng. Những đại biểu ưu tú của nó sẽ đứng lên phá tan cái đêm dài, chiếm lại những giá trị tinh thần, vũ trang cho mình một thể giới quan khoa học để chỉ đường cho cuộc đấu tranh giải phóng mà đội quân tiên phong đó có nhiệm vụ

lãnh đạo. Đó chính là trường hợp của giai cấp công nhân Việt Nam đã xảy ra từ những năm 20 của thế kỷ. Một thế giới quan lý luận - triết học và khoa học đã ra đời đánh dấu một bước nhảy vọt về chất trong đời sống tinh thần của dân tộc. Và dưới ngọn cờ của thế giới quan Mác – Lênin, hơn nửa thế kỷ qua, nhân dân ta đã làm thay đổi bộ mặt của đất nước. Nhưng, do hơn ba mươi năm phải đương đầu với chiến tranh xâm lược, chúng ta chưa xây dựng được một nền công nghiệp lớn, nền sản xuất nhỏ còn là phổ biến. Từ điểm xuất phát rất thấp đó về kinh tế, chúng ta bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện đại công nghiệp cơ khí, chủ nghĩa tư bản đã phải mất hàng trăm năm mới đào tạo được một đội quân lao động có trình độ khoa học. Mặc dù có những lệch lạc do hệ tư tưởng tư sản gây nên, nhận thức của những người công nhân đó không thể không đạt tới trình độ nhận thức khoa học. Chúng ta không chọn con đường đầy đau khổ đó của chủ nghĩa tư bản, mà chọn con đường “tắt” do thời đại đưa lại. Con đường “rút ngắn” đó đương nhiên sẽ đầy gian truân, mà nổi vất vả nổi bật là ở chỗ chúng ta đưa nhân dân ta tiến từ nhận thức kinh nghiệm bỏ qua giai đoạn phát triển nhận thức khoa học theo thế giới quan tư sản, tiến thẳng lên nhận thức khoa học theo thế giới quan khoa học của giai cấp công nhân.

Khẳng định lôgic phát triển đặc thù đó của quá trình nhận thức trên hoàn toàn không trái gì với việc khẳng định sự đã tồn tại ở nước ta một thế giới quan khoa học như đã nói ở trên. Bởi vì ở đây là xét ở bình diện phổ biến trên phạm vi toàn xã hội, cũng như khi nói rằng nền sản xuất nhỏ là phổ biến không có nghĩa là phủ nhận sự có mặt của công nghiệp lớn, kể cả công nghiệp tự động hóa ở nước ta.

Chính phải xuất phát từ đặc điểm lớn đó của tình hình tư tưởng của nhân dân ta mới có thể thấy được thực chất và nội dung của cách mạng tư tưởng và văn hoá mà hiện nay chúng ta đang thực hiện. Cần làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin giành được địa vị chủ đạo trong đời sống tinh thần của dân tộc chính vì thế giới quan khoa học đó chưa là phổ biến. Bởi vì chiến thắng của thế giới quan khoa học chỉ được khẳng định khi nó trở thành lập trường xã hội, trở thành niềm tin của mỗi cá nhân, và cá nhân nắm vững, sử dụng nó như là một phương thức định hướng, tức như một phương pháp luận trong đời sống, trong khoa học.

Trong tình hình như trên, việc xây dựng một thế giới quan khoa học làm tiền đề cho một phương pháp luận khoa học là một việc làm rất khó khăn. Đây đúng là lĩnh vực của nghiên cứu cơ bản, mà nghiên cứu cơ bản bao giờ cũng đòi hỏi một vốn tích lũy lớn và lâu dài. Nhưng, cũng như ở bình diện kinh tế, tư tưởng, trong điều kiện từ sản xuất nhỏ bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, việc vũ trang cho khoa học xã hội nước ta một thế giới quan khoa học, một phương pháp luận khoa học - hai mặt của một quá trình nhận thức thống nhất- chỉ hứa hẹn những thành công tốt đẹp nếu có sự liên hệ chặt chẽ với nền khoa học Mác - Lênin tiên tiến của loài người, trước hết là của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.